

Bản án số: **30** /2024/HS-ST

Ngày 21 - 6 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Chương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Duyên và bà Trịnh Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 26/2024/TLST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **Cao Thị Hà T**, sinh ngày 24/02/2001 tại tỉnh Hà Giang;

Nơi thường trú: **Làng X, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**;

Chỗ ở hiện tại: **Tổ C, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Cao Đắc C** và bà **Hoàng Thị H** (đã chết); có chồng: **Trần Đức T1** và có 01 con, sinh ngày 26/6/2022;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. **Nguyễn Thanh S**, sinh ngày 08/9/2002 tại tỉnh Vĩnh Phúc;

Nơi cư trú: **Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn H1** và bà **Nguyễn Thị H2**; có vợ: **Lâm Thị T2** và có 02 con, sinh năm 2021 và năm 2023;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/12/2023 đến ngày 18/3/2024, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Bị hại:

1. Chị **Nguyễn Thị T3**, sinh năm 1981; vắng mặt, có đơn xin vắng mặt;
Trú tại: **Thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang**.
2. Cháu **Hoàng Thảo H3**, sinh năm 2007; vắng mặt, có đơn xin vắng mặt;
Người giám hộ: Bà **Chử Thị T4**, sinh năm 1978;
Cùng trú tại: **Số nhà A, ngõ A, tổ A, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ**.
3. Chị **Phạm Thị T5**, sinh năm 1990; vắng mặt, có đơn xin vắng mặt;
Trú tại: **Thôn X, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên**.
4. Chị **Phạm Thị H4**, sinh năm 1993; vắng mặt, có đơn xin vắng mặt;
Trú tại: **Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang**.
5. Anh **Phạm Công L**, sinh năm 1991; vắng mặt, có đơn xin vắng mặt;
Trú tại: **Tổ C, thôn B, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam**.
6. Chị **Phạm Thị P**, sinh năm 1984; vắng mặt, có đơn xin vắng mặt;
Trú tại: **Thôn T, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang**.
7. Chị **Lê Phương T6**, sinh năm 1996; vắng mặt, có đơn xin vắng mặt;
Trú tại: **Số A, phố N, phường N, quận H, Thành phố Hà Nội**.
8. Chị **Nguyễn Thị Trúc G**, sinh năm 1988; vắng mặt, có đơn xin vắng mặt;
Trú tại: **Thôn K, xã T, huyện B, Thành phố Hà Nội**.
9. Chị **Ngô Thị T7**, sinh năm 1986; vắng mặt, có đơn xin vắng mặt;
Trú tại: **Thôn T, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang**.
10. Chị **Phùng Thị Huyền T8**, sinh năm 1997; vắng mặt, có đơn xin vắng mặt;
Trú tại: **Thôn V, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình**.

- Người làm chứng:

1. Chị **Trần Thị H5**, sinh năm 1999; vắng mặt;
Trú tại: **Thôn C Kênh G, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình**.
2. Anh **Đỗ Anh T9**, sinh năm 2001; vắng mặt, có đơn xin vắng mặt;
Trú tại: **Thôn N, xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang**.
3. Ông **Giáp Văn T10**, sinh năm 1978; vắng mặt;
Trú tại: **Thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cao Thị Hà T, sinh năm 2001 (trú tại **Tổ C, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang**), trước khi kết hôn năm 2021, **T** có quan hệ tình cảm với **Nguyễn Thanh S**, sinh năm 2002 (trú tại **thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc**). Tháng 4/2022, chồng **T** bị bắt giam về tội phạm liên quan đến ma túy, **T** đã về nhà mẹ đẻ là bà **Hoàng Thị H** (thôn Y, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang) để giúp bà **H** trông coi Cửa hàng bán và cho thuê trang phục biểu diễn; khoảng tháng 8/2023, **T** tiếp tục liên hệ

và thường xuyên qua lại với S. Do bị bệnh nặng, bà H đã chết tháng 11/2023; vì đang nuôi con nhỏ, cần tiền chi tiêu cá nhân nên trong quá trình trông coi tại Cửa hàng, lợi dụng việc đã có kinh nghiệm trong việc tư vấn về trang phục biểu diễn, T nảy sinh ý định đăng bài bán, cho thuê trang phục biểu diễn trên mạng xã hội Facebook, khi có khách hàng nhắn tin hỏi mua, thuê trang phục, T sẽ tư vấn và lừa để khách hàng chuyển tiền mua hàng hoặc tiền đặt cọc, sau đó chặn liên lạc của khách hàng và chiếm đoạt tiền.

T lên mạng tải các hình ảnh mẫu quần áo biểu diễn, áo dài, rồi đăng hình ảnh và nội dung bán, cho thuê trang phục (không có thật) lên các tài khoản Facebook của mình là “Trang Phục **Phương L1**” và “Trang Phục **Lan A**”; đối với tài khoản “Trang Phục **Lan A**”, T sử dụng đăng bài một đến hai lần thì xóa bỏ không sử dụng tiếp (hiện không nhớ mật khẩu đăng nhập). Sau đó, nhiều người đã nhắn tin M cho T hỏi mua, thuê trang phục, T trực tiếp nhắn tin lừa tư vấn và thỏa thuận mua bán (T thường nói dối là mình có Xưởng gia công số lượng lớn nên bán với giá rẻ và là người làm ăn có uy tín, để những người có nhu cầu tin tưởng mua hàng). Khi có người đồng ý mua hàng, T yêu cầu phải chuyển tiền đặt cọc; nếu chuyển hết tiền mua hàng thì sẽ được giảm giá, miễn phí vận chuyển; lấy số lượng nhiều thì được tặng thêm hàng. Do sợ bị phát hiện, T đã mượn các số tài khoản ngân hàng của **Nguyễn Thanh S**, gồm tài khoản số 555566668818 mở tại M1; tài khoản số 8345666689 mở tại V để nhận tiền lừa đảo được (khi nhận được tiền S rút ra đưa cho T). Đến tháng 11/2023, thấy có nhiều người chuyển tiền vào tài khoản của mình, S hỏi thì T nói cho S biết việc T đang thực hiện hành vi lừa đảo và S vẫn tiếp tục giúp T nhận, rút tiền lừa đảo. Ngoài ra, T còn đăng nhập tài khoản Facebook “Trang phục **Phương L1**” vào điện thoại của S để S giúp T nhắn tin lừa khách hàng. T chia cho S một phần tiền chiếm đoạt được. Bằng phương thức, thủ đoạn trên, từ ngày 01/10/2023 đến ngày 12/12/2023, T và S đã thực hiện hành vi lừa đảo cụ thể như sau:

1. Cao Thị Hà T thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt 6.195.000 đồng của 03 bị hại:

- Ngày 01/10/2023, chị **Nguyễn Thị T3**, sinh năm 1981 (trú tại **thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang**) vào mạng xã hội tìm mua trang phục biểu diễn và thấy bài đăng của T trên tài khoản Facebook “Trang Phục **Phương L1**”, chị T3 đã nhắn tin qua M và được T tư vấn, báo giá, chị T3 nhất trí mua một số mẫu trang phục (không nhớ số lượng). T yêu cầu chị T3 phải đặt cọc trước số tiền 1.100.000 đồng thì mới chuyển hàng, đồng thời do sợ bị phát hiện nên T hỏi mượn số tài khoản 8345666689 của **Nguyễn Thanh S** mở tại V để cung cấp cho chị T3 chuyển tiền (S chưa biết T có hành vi lừa đảo). Cùng ngày trên, chị T3 đã nhờ anh **Đỗ Anh T9**, sinh năm 2001 (trú tại **thôn N, xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang**) chuyển số tiền đặt cọc trên từ tài khoản 1016530226 của anh T9 mở tại V1 vào số tài khoản của S.

Tiếp theo trong các ngày 02 và 03/10/2023, chị T3 tiếp tục nhắn tin qua Messenger với tài khoản Facebook “Trang Phục **Phương L1**” của T để đặt mua thêm trang phục biểu diễn. Theo yêu cầu của T, chị T3 đã hai lần chuyển cho T

tiền đặt cọc mua trang phục với số tiền là 3.855.000 đồng vào tài khoản số 8345666689 của **S** (ngày 02/10/2023, chị **T3** nhờ chồng là anh **Giáp Văn T10** chuyển 1.555.000 đồng từ tài khoản số 0974557113 của anh **T10** mở tại **M1**; ngày 03/10/2023, chị **T3** chuyển 2.300.000 đồng từ tài khoản số 0983816170 của mình mở tại **M1**). Khi nhận được tổng số tiền 4.955.000 đồng trên của chị **T3**, **S** chuyển hết cho **T**; sau đó **T** đã chặn tin nhắn của chị **T3** và chi tiêu cá nhân hết số tiền chiếm đoạt.

- Ngày 15/11/2023, cháu **Hoàng Thảo H3**, sinh năm 2007 (trú tại **tổ A, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ**) nhắn tin qua Messenger với **T** qua facebook “Trang phục **Phương L1**” hỏi thuê trang phục biểu diễn. Sau khi trao đổi, cháu **H3** nhất trí thuê phụ kiện lá biểu diễn, với số tiền là 540.000 đồng. **T** yêu cầu cháu **H3** chuyển đủ tiền thuê trang phục vào tài khoản số 055650606789 của **T** mở tại **M1** thì mới gửi hàng. Cháu **H3** đã chuyển đủ số tiền trên từ tài khoản số 4280924347 của mình mở tại **B** vào tài khoản của **T**. Sau khi nhận được tiền, **T** đã chặn tin nhắn của cháu **H3** và chi tiêu hết số tiền đã chiếm đoạt.

- Ngày 19/11/2023, chị **Phạm Thị T5**, sinh năm 1990 (trú tại **thôn X, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên**) nhắn tin qua **M** với Facebook “Trang phục biểu diễn **Lan A**” của **T** để đặt mua 10 bộ trang phục biểu diễn dân tộc Mông, giá thỏa thuận 120.000 đồng/bộ. **T** yêu cầu chị **T5** phải chuyển đặt cọc 500.000 đồng vào tài khoản số 055650606789 của **T**; chị **T5** đã sử dụng tài khoản số 8504215032473 của mình mở tại **A1** chuyển đủ số tiền trên theo yêu cầu của **T**. Nhận được tiền, **T** tiếp tục nhắn tin bảo chị **T5** chuyển thêm tiền đặt cọc thì sẽ được giảm giá và miễn phí giao hàng, tin tưởng là thật nên chị **T5** tiếp tục chuyển thêm 200.000 đồng tiền đặt cọc vào tài khoản của **T**. Sau đó, **T** đã chặn liên lạc với chị **T5** và chiếm đoạt 700.000 đồng, chi tiêu cá nhân hết.

2. Cao Thị Hà T và Nguyễn Thanh S cùng thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt 21.450.000 đồng của 07 bị hại:

- Ngày 04/11/2023, chị **Phạm Thị H4**, sinh năm 1993 (trú tại **tổ Dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang**) sử dụng tài khoản Facebook “Hoài Bò” vào mạng xã hội tìm mua trang phục biểu diễn và thấy bài đăng của **T** trên tài khoản Facebook “Trang Phục **Phương L1**”, nên đã nhắn tin Messenger với **T** trao đổi, thỏa thuận mua một số loại trang phục của **T**, với số tiền là 6.700.000 đồng. **T** cung cấp cho chị **H4** số tài khoản 555566668818 của **S** mở tại **M1** và chị **H4** đã chuyển đủ số tiền trên vào tài khoản của **S** như thỏa thuận (trong đó, chị **H4** sử dụng tài khoản số 34110003033888 mở tại **B** chuyển 2.000.000 đồng; tài khoản số 0984627080 mở tại **V1** chuyển 4.700.000 đồng). Sau đó, **S** chuyển hết số tiền trên cho **T**; nhận được tiền **T** đã chặn tin nhắn của chị **H4** và chi tiêu hết số tiền chiếm đoạt được, không chia cho **S** đồng nào.

- Ngày 07/11/2023, anh **Phạm Công L**, sinh năm 1991 (trú tại **xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam**) nhắn tin Messenger qua Facebook “Trang phục **Phương L1**” của **T** để hỏi mua trang phục biểu diễn. Sau khi trao đổi, anh **L** nhất trí mua hàng

với số tiền thỏa thuận là 5.680.000 đồng; T yêu cầu anh L phải chuyển 200.000 đồng đặt cọc vào tài khoản số 555566668818 của S thì mới gửi hàng. Anh L2 đã sử dụng tài khoản số 4220215031374 của mình mở tại A1 chuyển số tiền trên vào tài khoản của S. Sau đó, S chuyển hết số tiền này cho T, nhận được tiền T đã chặn tin nhắn của anh L2 và chỉ tiêu cá nhân hết; T không chia cho S đồng nào.

- Ngày 29/11/2023, chị Phạm Thị P, sinh năm 1984 (trú tại thôn T, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang) sử dụng tài khoản facebook “Phuong Pham” nhắn tin M với Facebook “Trang phục Phương L1” của T để hỏi mua trang phục biểu diễn và thỏa thuận với giá 100.000 đồng/bộ; T yêu cầu chị P chuyển 200.000 đồng vào tài khoản số 555566668818 của S để đặt cọc mua hàng. Chị P đã sử dụng tài khoản số 1036197668 của mình mở tại V1 chuyển số tiền trên vào tài khoản của S, đồng thời chị P tiếp tục hỏi mua thêm trang phục và chuyển thêm 3.400.000 đồng vào tài khoản của S để đặt cọc theo yêu cầu của T (tổng cộng là 3.600.000 đồng). Sau đó, S chuyển hết số tiền này cho T, nhận được tiền T đã chặn tin nhắn của chị P và chỉ tiêu cá nhân hết; T không chia cho S đồng nào.

- Ngày 29/11/2023, chị Lê Phương T6, sinh năm 1996 (trú tại số A, phố N, phường N, quận H, thành phố Hà Nội) nhắn tin M với Facebook “Trang phục Phương Loan” của T để hỏi mua trang phục biểu diễn, với tiền hàng phải thanh toán theo thỏa thuận là 3.260.000 đồng. T yêu cầu chị T6 phải chuyển đặt cọc 500.000 đồng vào tài khoản số 555566668818 của S. Ngày 30/11/2023, chị T6 đã nhờ bạn là chị Trần Thị H5 (trú tại Thôn C Kênh G, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình) sử dụng tài khoản số 3310205086981 của chị H5 mở tại A1 chuyển số tiền trên vào số tài khoản của S. Sau khi nhận được tiền, S chuyển lại hết cho T và T đã chặn tin nhắn của chị T6, chỉ tiêu cá nhân hết số tiền chiếm đoạt được, không chia cho S đồng nào.

- Ngày 03/12/2023, chị Nguyễn Thị Trúc G, sinh năm 1988 (trú tại thôn K, xã T, huyện B, thành phố Hà Nội) sử dụng Facebook “Trúc Giang” nhắn tin M với Facebook “Trang phục Phương L1” của T để hỏi mua trang phục biểu diễn (không nhớ số lượng). T yêu cầu chị G chuyển khoản đặt cọc 100.000 đồng vào tài khoản số 555566668818 của S; chị G đã sử dụng tài khoản số 1036197668 của mình chuyển số tiền đặt cọc trên vào tài khoản của S. Sau khi nhận được tiền, T chặn tin nhắn của chị G và cho S số tiền chiếm đoạt được, S sử dụng chỉ tiêu cá nhân hết.

- Ngày 03/12/2023, chị Ngô Thị T7, sinh năm 1986 (trú tại thôn T, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang) sử dụng Facebook “Thu Ngo” nhắn tin M với Facebook “Trang phục Phương L1” của T để hỏi mua trang phục biểu diễn. Sau khi được T tư vấn, chị T7 đồng ý đặt mua 136 bộ áo dài, với tổng số tiền là 10.880.000 đồng. T nhắn tin bảo chị T7 nếu chuyển khoản thanh toán hết tiền hàng thì sẽ giảm còn 10.000.000 đồng và miễn phí vận chuyển, đồng thời Trang cung cấp tài khoản số 555566668818 của S cho chị T7. Từ ngày 03 đến ngày 13/12/2023, chị T7 đã chuyển số tiền 10.000.000 đồng từ tài khoản số 700008295334 của mình mở tại S1 vào tài khoản trên của S (ngày 03/12/2023 chuyển 1.600.000 đồng; ngày 04/12/2023 chuyển 2.000.000 đồng; ngày

13/12/2023 chuyển 6.400.000 đồng). Sau khi nhận được số tiền trên, **T** đã chặn tin nhắn của chị **T7** và chia cho **S** 2.000.000 đồng, **T** và **S** đã chi tiêu cá nhân hết.

- Ngày 12/12/2023, chị **Phùng Thị Huyền T8**, sinh năm 1997 (trú tại **thôn V, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình**) sử dụng Facebook "**Huyền T8**" nhắn tin **M** với Facebook "**Trang phục Phương L1**" của **T8** để mua 01 bộ áo dài, với giá thỏa thuận là 350.000 đồng. **T8** yêu cầu chị **Huyền T8** phải chuyển hết số tiền trên vào tài khoản số 555566668818 của **S** (do **T8** cung cấp) thì mới gửi hàng. Sau đó, chị **Huyền T8** đã sử dụng tài khoản số 5311139925 của mình mở tại **B** chuyển 350.000 đồng vào tài khoản trên của **S**. Sau khi nhận được tiền, **T8** chặn tin nhắn của chị **Huyền T8** và chi tiêu cá nhân hết số tiền chiếm đoạt được; không chia cho **S** đồng nào.

Như vậy, từ ngày 01/10/2023 đến ngày 12/12/2023, **Cao Thị Hà T** đã thực hiện hành vi lừa bán trang phục biểu diễn trên mạng xã hội (không có thật) cho 10 người ở các tỉnh Tuyên Quang, Thái Nguyên, Phú Thọ, Bắc Giang, Quảng Bình, Quảng Nam và thành phố Hà Nội, chiếm đoạt tiền mua, tiền đặt cọc mua trang phục của các bị hại, với tổng số tiền là 27.645.000 đồng. Trong đó, từ ngày 04/11/2023 đến ngày 12/12/2023, mặc dù biết **T** đang thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của người khác, nhưng **Nguyễn Thanh S** đã cho **T** mượn số tài khoản ngân hàng của mình để nhận số tiền 21.450.000 đồng của 07 bị hại mà **T** lừa chiếm đoạt; **T** chia cho **S** 2.100.000 đồng. **T** hưởng lợi cá nhân 25.545.000 đồng. **T** và **S** đã chi tiêu cá nhân hết số tiền chiếm đoạt trên.

* *Thu giữ, tạm giữ đồ vật, vật chứng:* Tạm giữ của **Cao Thị Hà T** 01 điện thoại Iphone 11 Promax, số máy MWGN2LL/A, số sê ri: F2LC960JN70L, Imei 1: 353897108769573, Imei 2: 35389710875332. **Nguyễn Thanh S** giao nộp 01 điện thoại Iphone X, số máy MQAD2VN/A, số sê ri: G6VVX49YJCLJ, Imei: 353039094101715. Các điện thoại trên đã qua sử dụng.

* *Về trách nhiệm dân sự:* Quá trình điều tra, **Cao Thị Hà T** đã tự nguyện bồi thường cho chị **Ngô Thị T7** số tiền 10.000.000 đồng. Ngoài ra, **T** tự nguyện nộp số tiền 15.045.000 đồng; **S** tự nguyện nộp số tiền 2.100.000 đồng để bồi thường, khắc phục hậu quả cho các bị hại.

Bản Cáo trạng số 27/CT-VKSTQ-P1 ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố các bị cáo **Cao Thị Hà T** và **Nguyễn Thanh S** về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo **Cao Thị Hà T** và **Nguyễn Thanh S** phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Cao Thị Hà T** từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh S** từ 09 tháng đến 01 năm tù, thời hạn chấp

hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 21/12/2023 đến ngày 18/3/2024.

Không đề nghị phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo **Cao Thị Hà T** và **Nguyễn Thanh S** có trách nhiệm phải bồi thường lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại có yêu cầu; phần tiền mỗi bị cáo phải hoàn trả cho từng bị hại là số tiền thực tế các bị cáo đã chia cho nhau hoặc được hưởng sau khi chiếm đoạt. Trong đó bị cáo **Cao Thị Hà T** phải có trách nhiệm hoàn trả cho các bị hại là 16.805.000 đồng; bị cáo **Nguyễn Thanh S** phải trả cho bị cáo **Cao Thị Hà T** số tiền 2.000.000 đồng. Ghi nhận bị cáo **T** đã nộp số tiền 15.045.000 đồng, bị cáo **S** đã nộp số tiền 2.100.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang để bồi thường cho các bị hại.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với: 01 chiếc điện thoại di động Iphone 11 Promax, số máy MWGN2LL/A, số sê ri: F2LC960JN70L, Imei 1: 353897108769573, Imei 2: 35389710875332 của bị cáo **Cao Thị Hà T** và 01 điện thoại Iphone X, số máy MQAD2VN/A, số sê ri: G6V VX49YJCLJ, Imei: 353039094101715 của bị cáo **Nguyễn Thanh S**.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo tiếp tục khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với quá trình điều tra và bản cáo trạng đã truy tố. Về trách nhiệm dân sự, các bị cáo đều nhất trí hoàn trả lại cho các bị hại toàn bộ khoản tiền đã chiếm đoạt của các bị hại. Bị cáo **T** xác nhận tại quá trình điều tra, bị cáo đã trả cho chị **Ngô Thị T7** số tiền 10.000.000 đồng trong đó có bao gồm cả số tiền 2.000.000 đồng bị cáo trả hộ cho bị cáo **S**, bị cáo **T** yêu cầu bị cáo **S** trả lại số tiền đó cho bị cáo; bị cáo **S** nhất trí hoàn trả lại số tiền 2.000.000 đồng cho bị cáo **T**.

Các bị cáo nhất trí, không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Kết thúc phần tranh luận, các bị cáo **Cao Thị Hà T** và **Nguyễn Thanh S** nói lời sau cùng. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt các bị cáo mức án thấp nhất để sớm được trở về nuôi con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân cấp huyện, nhưng được các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Tuyên Quang thống nhất giữ lại để điều tra, truy tố, xét xử, vì vậy thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 268 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa vắng mặt các bị hại và có đơn xin xử vắng mặt, vắng mặt người làm chứng, việc vắng mặt của các bị hại, người làm chứng không ảnh hưởng tới việc giải quyết xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, các bị cáo Cao Thị Hà T và Nguyễn Thanh S tiếp tục thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh bằng Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, vật chứng thu giữ, lời khai của các bị hại, người làm chứng và những tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Từ ngày 01/12/2023 đến ngày 12/12/2023 Cao Thị Hà T, sinh năm 2001 (chỗ ở Tổ C, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang) đã thực hiện hành vi lừa đảo bằng hình thức bán, cho thuê trang phục biểu diễn (không có thật) trên các tài khoản Facebook của mình là “Trang phục Phương L1” và Trang phục Lan A” cho 10 bị hại ở các tỉnh Tuyên Quang, Thái Nguyên, Phú Thọ, Bắc Giang, Quảng Bình, Quảng Nam và thành phố Hà Nội, để chiếm đoạt tiền mua, tiền đặt cọc mua trang phục của các bị hại, với tổng số tiền là 27.645.000 đồng (T cung cấp tài khoản ngân hàng số 055650606789 của T và các tài khoản số 555566668818, số 8345666689 của Nguyễn Thanh S cho các bị hại chuyển tiền). Trong đó, từ ngày 04/11/2023 đến ngày 12/12/2023, mặc dù biết T đang thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của người khác, nhưng Nguyễn Thanh S, sinh năm 2002 (trú tại Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc) vẫn giúp sức và tiếp tục cho T mượn các số tài khoản ngân hàng trên để thực hiện hành vi lừa đảo đối với 07 bị hại, chiếm đoạt số tiền là 21.450.000 đồng (trước đó S không biết T có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của người khác); T chia cho S 2.100.000 đồng. T hưởng lợi 25.545.000 đồng và đã chi tiêu cá nhân hết. Cụ thể:

1. Cao Thị Hà T thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt 6.195.000 đồng của 03 bị hại:

- Ngày 01/10/2023, T lừa đảo chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1981 (trú tại thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang) số tiền 4.955.000 đồng.

- Ngày 15/11/2023, T lừa đảo chiếm đoạt của cháu Hoàng Thảo H3, sinh năm 2007 (trú tại tổ A, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ) số tiền 540.000 đồng.

- Ngày 19/11/2023, T lừa đảo chiếm đoạt của chị **Phạm Thị T5**, sinh năm 1990 (trú tại **thôn X, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên**) số tiền 700.000 đồng.

2. Cao Thị Hà T và Nguyễn Thanh S cùng thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt 21.450.000 đồng của 07 bị hại:

- Ngày 04/11/2023, T và S lừa đảo chiếm đoạt của chị **Phạm Thị H4**, sinh năm 1993 (trú tại **tổ Dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang**) số tiền 6.700.000 đồng.

- Ngày 07/11/2023, T và S lừa đảo chiếm đoạt của anh **Phạm Công L**, sinh năm 1991 (trú tại **xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam**) số tiền 200.000 đồng.

- Ngày 29/11/2023, T và S lừa đảo chiếm đoạt của chị **Phạm Thị P**, sinh năm 1984 (trú tại **thôn T, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang**) số tiền 3.600.000 đồng.

- Ngày 29/11/2023, T và S lừa đảo chiếm đoạt của chị **Lê Phương T6**, sinh năm 1996 (trú tại **số A, phố N, phường N, quận H, thành phố Hà Nội**) số tiền 500.000 đồng.

- Ngày 03/12/2023, T và S lừa đảo chiếm đoạt của chị **Nguyễn Thị Trúc G**, sinh năm 1988 (trú tại **thôn K, xã T, huyện B, Hà Nội**) số tiền 100.000 đồng.

- Ngày 03/12/2023, T và S lừa đảo chiếm đoạt của chị **Ngô Thị T7**, sinh năm 1986 (trú tại **thôn T, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang**) số tiền 10.000.000 đồng.

- Ngày 12/12/2023, T và S lừa đảo chiếm đoạt của chị **Phùng Thị Huyền T8**, sinh năm 1997 (trú tại **thôn V, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình**) số tiền 350.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo chiếm đoạt của các bị hại là 27.645.000 đồng.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội; Hội đồng xét xử đủ căn cứ quy kết các bị cáo **Cao Thị Hà T, Nguyễn Thanh S** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, các bị cáo **Cao Thị Hà T và Nguyễn Thanh S** đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; đã nhiều lần có hành vi chiếm đoạt tài sản của nhiều người bằng thủ đoạn gian dối; do vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như sau.

Các bị cáo **Cao Thị Hà T, Nguyễn Thanh S** thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhiều lần của nhiều người nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo **Cao Thị Hà T** và **Nguyễn Thanh S** đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã tự nguyện nộp tiền đã chiếm đoạt vào tài khoản của Cục Thi hành án dân sự toàn số tiền để bồi thường cho các bị hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Đánh giá vai trò, hành vi phạm tội của các bị cáo: Trong vụ án này các bị cáo phạm tội không có tổ chức mà là đồng phạm giản đơn.

Bị cáo **Cao Thị Hà T** là người chủ mưu, khởi xướng và thực hiện hành vi lừa bán, cho thuê trang phục biểu diễn trên mạng xã hội (không có thật) cho các bị hại, chiếm đoạt tiền mua, tiền đặt cọc mua trang phục của các bị hại, với tổng số tiền là 27.645.000 đồng, trong đó có 04 lần phạm tội từ 2.000.000 đồng trở lên, do vậy được đánh giá là vai trò chính, nên mức án cao hơn bị cáo **S**.

Tiếp đến bị cáo **Nguyễn Thanh S** từ ngày 04/11/2023 đến ngày 12/12/2023, mặc dù biết bị cáo **T** đang thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của người khác, nhưng bị cáo đã cho bị cáo **T** mượn số tài khoản ngân hàng của mình để nhận số tiền 21.450.000 đồng của 07 bị hại mà bị cáo **T** lừa chiếm đoạt; được bị cáo **T** chia cho bị cáo **S** 2.100.000 đồng, trong đó có 03 lần phạm tội từ 2.000.000 đồng trở lên. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo **Nguyễn Thanh S** với vai trò đồng phạm, số tiền được hưởng không lớn, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhưng có 01 tình tiết tăng nặng nên xử phạt bị cáo mức án dưới mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp pháp luật.

[6] Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo đều không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Trong quá trình điều tra, chị **Ngô Thị T7** đã nhận được toàn bộ số tiền bị chiếm đoạt và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm nên không xem xét giải quyết. Trong đơn xin xét xử vắng mặt, các bị hại **Nguyễn Thị T3**, **Phạm Thị T5**, **Phạm Thị H4**, **Phạm Thị P**, **Lê Phương T6**, **Phùng Thị Huyền T8** đều yêu cầu các bị cáo **Cao Thị Hà T**, **Nguyễn Thanh S** phải hoàn lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của các bị hại. Bị hại **Hoàng Thảo H3**, anh **Phạm Công L**, chị **Nguyễn Thị Trúc G** không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại. Các bị cáo đều nhất trí hoàn trả cho từng bị hại khoản tiền đã chiếm đoạt tương ứng với số tiền thực tế các bị cáo đã được chia hoặc chiếm đoạt được của các bị hại. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc các bị cáo **Cao Thị Hà T** và **Nguyễn Thanh S** có trách nhiệm phải liên đới hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại như sau:

- Bị cáo **Cao Thị Hà T** có trách nhiệm hoàn trả cho các bị hại sau: Trả cho chị **Nguyễn Thị T3** số tiền 4.955.000 đồng; chị **Phạm Thị T5** số tiền 700.000 đồng; chị **Phạm Thị H4** số tiền 6.700.000 đồng; chị **Phạm Thị P** số tiền 3.600.000 đồng; chị

Lê Phương T6 số tiền 500.000 đồng; chị Phùng Thị Huyền T8 số tiền 350.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo phải hoàn trả là 16.805.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Thanh S có trách nhiệm hoàn trả cho bị cáo Cao Thị Hà T số tiền 2.000.000 đồng là tiền bị cáo T đã trả cho chị Ngô Thị T7 thay cho bị cáo S.

Do trước khi mở phiên tòa, bị cáo Cao Thị Hà T và bị cáo Nguyễn Thanh S đã nộp tiền tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang một khoản tiền để hoàn trả cho các bị hại, trong đó bị cáo Cao Thị Hà T nộp 15.045.000 đồng; bị cáo Nguyễn Thanh S nộp 2.100.000 đồng, do vậy cần giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang để thi hành theo quyết định của bản án.

[8] Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra đã thu giữ của bị cáo Cao Thị Hà T 01 điện thoại Iphone 11 Promax, số máy MWGN2LL/A, số sê ri: F2LC960JN70L, Imei 1: 353897108769573, Imei 2: 35389710875332; của bị cáo Nguyễn Thanh S 01 điện thoại Iphone X, số máy MQAD2VN/A, số sê ri: G6VVX49YJCLJ, Imei: 353039094101715. Căn cứ vào các tài liệu giám định và qua lời khai của các bị cáo xác định được 02 chiếc điện thoại di động được các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[9] Trong vụ án này: quá trình điều tra xác định còn có các tài khoản ngân hàng số 2111992392, chủ tài khoản “NGUYEN TIEN DUNG”; tài khoản số 6620101987, chủ tài khoản “DO AN TRANG”; tài khoản số 1603205703717, chủ tài khoản “DOAN THI THUY TRANG”; tài khoản số 1035840306, chủ tài khoản “LE MINH TAM”; tài khoản số 19030241648017, chủ tài khoản “KIM THI HUAN”; tài khoản số 1032256847, chủ tài khoản “LE THI BÍCH NGOC”, chuyển tiền đến tài khoản của T và S (số tiền chuyển đều dưới 2.000.000 đồng), nghi là bị hại trong vụ án. Cơ quan điều tra đã áp dụng các biện pháp điều tra, truy tìm bị hại nhưng không xác định được, nên không có căn cứ để điều tra, xử lý. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Các bị cáo Cao Thị Hà T, Nguyễn Thanh S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, về án phí dân sự sơ thẩm các bị cáo đã nộp đủ tiền bồi thường tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh nên không buộc các bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[11] Các bị cáo, các bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Cao Thị Hà T, Nguyễn Thanh S phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Xử phạt bị cáo Cao Thị Hà T 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình

phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh S** 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 21/12/2023 đến ngày 18/3/2024.

3. Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 122, 127, 131, 357, 407, 468 Bộ luật Dân sự.

- Buộc bị cáo **Cao Thị Hà T** có trách nhiệm hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại như sau:

+ Hoàn trả cho chị **Nguyễn Thị T3**, trú tại **thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang** số tiền 4.955.000 đồng (*Bốn triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn đồng*);

+ Hoàn trả cho chị **Phạm Thị T5**, trú tại **thôn X, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên** số tiền 700.000 đồng (*Bảy trăm nghìn đồng*);

+ Hoàn trả cho chị **Phạm Thị H4**, trú tại **tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang** số tiền 6.700.000 đồng (*Sáu triệu bảy trăm nghìn đồng*);

+ Hoàn trả cho chị **Phạm Thị P**, trú tại **thôn T, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang** số tiền 3.600.000 đồng (*Ba triệu sáu trăm nghìn đồng*);

+ Hoàn trả cho chị **Lê Phương T6**, trú tại **số A, phố N, phường N, quận H, thành phố Hà Nội** số tiền 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*);

+ Hoàn trả cho chị **Phùng Thị Huyền T8**, trú tại **thôn V, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình** số tiền 350.000 đồng (*Ba năm mươi nghìn đồng*).

Tổng số tiền bị cáo **Cao Thị Hà T** phải hoàn trả cho các bị hại là 16.805.000 đồng (*Mười sáu triệu tám trăm linh năm nghìn đồng*).

- Buộc bị cáo **Nguyễn Thanh S** có trách nhiệm hoàn trả cho bị cáo **Cao Thị Hà T** số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*).

Tổng số tiền các bị cáo **Cao Thị Hà T** và **Nguyễn Thanh S** phải có trách nhiệm hoàn trả cho các bị hại được trừ vào số tiền 17.145.000 đồng (*Mười bảy triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) mà các bị cáo đã nộp tại giai đoạn điều tra (trong đó bị cáo **Cao Thị Hà T** nộp 15.045.000 đồng, bị cáo **Nguyễn Thanh S** nộp 2.100.000 đồng). Số tiền này hiện đang giữ trong tài khoản số 3949.0.1054495.00000 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang, theo Ủy nhiệm chi số 02/240525_1006751_2461003 ngày 25/5/2024 của **Sở tài chính tỉnh T**, giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang để thi hành bản án.

4. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, số máy MQAD2VN/A, số seri G6VVX49YJCLJ, IMEI 35303909114101715 của bị cáo **Nguyễn Thanh S**, điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng được đựng trong 01 (một) bì niêm phong bằng giấy màu trắng dán kín, tại các mép dán có chữ ký xác nhận của người liên quan và các hình dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh T**; bên ngoài bì có ghi dòng chữ viết tay “Điện thoại Iphone của **Nguyễn Thanh S**. Thu giữ ngày 19/12/2023”;

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 ProMax, số máy MWGN2LL/A, số seri F2LC960JN70L, IMEI1: 353897108769573, IMEI2: 35389710875332 của bị cáo **Cao Thị Hà T**, điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng được đựng trong 01 (một) bì niêm phong bằng giấy màu trắng dán kín, tại các mép dán có chữ ký xác nhận của người liên quan và các hình dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh T**; bên ngoài bì có ghi dòng chữ viết tay “Điện thoại Iphone của **Cao Thị Hà T**. Thu giữ ngày 19/12/2023”.

*(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh T** và Cục thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang lập ngày 16/5/2024).*

5. Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo **Cao Thị Hà T**, **Nguyễn Thanh S** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 21/6/2024; các bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Công an tỉnh (CQCSĐT + Phòng hồ sơ);
- Trại tạm giam Công tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Bị cáo; Bị hại;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS + Toà án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hà Văn Chương